TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 262/2025/DS-PT
Ngày: 13/8/2025
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng hứa thưởng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Triệu Hữu**

Các Thẩm phán: Bà **Võ Thị Mỹ Dung**

Ông **Nguyễn Thành Đăng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thanh Thảo** – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Tuấn**- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2025/TLPT-DS ngày 29 tháng 5 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng hứa thưởng"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2025/ DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 136/2025/QĐ-PT ngày 09 tháng 6 năm 2025, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2025/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 276/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lê Kha N**, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp L, xã L, tỉnh Vĩnh Long): vắng mặt

Người đại diện hợp pháp: Anh **Nguyễn Tấn Đ**, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số E, P, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là số E P, phường P, tỉnh Vĩnh Long), là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/3/2024): có mặt

2. Bị đơn: Anh **Thái Minh T**, sinh năm 1993. Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện

M, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp P, xã B, tỉnh Vĩnh Long): vắng mặt

Người đại diện hợp pháp: Anh **Lê Tấn P**, sinh năm 1976. Địa chỉ: khóm D, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm D, xã C, tỉnh Vĩnh Long), là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 09/6/2025): có mặt

Người kháng cáo: Anh Lê Kha N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ kèm theo và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Lê Khoa N1 và người đại diện hợp pháp trình bày:

Vào ngày 17/7/2023, anh N có cho bị đơn là anh Thái Minh T mượn (vay) số tiền 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng), thoả thuận lãi suất 20%/năm có viết biên nhận ngày 18/7/2023.

Khi vay tiền anh T còn hứa nếu không có khả năng thanh toán thì anh T sẽ giao anh N thửa đất số 373, tờ bản đồ số 47, diện tích 373,5m^2, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, toạ lạc tại thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Thực hiện theo thỏa thuận kể từ ngày vay tiền đến nay anh T không trả lãi, không trả tiền gốc nên anh N khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

Buộc anh Thái Minh T trả nợ gốc 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) theo hợp đồng vay được chứng thực ngày 18/7/2023 bởi Văn phòng C;

Yêu cầu anh Thái Minh T trả lãi từ ngày 17/7/2023 đến ngày 20/3/2024 làm tròn 08 tháng x 1,66%/tháng x 200.000.000 đồng = 26.560.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi chậm trả từ ngày 21/3/2024 đến khi trả xong nợ gốc với mức lãi suất 20%/ năm.

Theo đơn khởi kiện yêu cầu phản tố, tài liệu, chứng cứ kèm theo và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Thái Minh T và người đại diện hợp pháp trình bày:

Anh Thái Minh T không đồng ý bất cứ yêu cầu khởi kiện nào của nguyên đơn anh Lê Kha N thông qua người đại diện theo uỷ quyền là anh Nguyễn Tấn Đ trình bày, lý do anh T không đồng ý như sau:

Anh Thái Minh T có khởi kiện ly hôn, chia tài sản với chị Lê Thị Thanh N, sinh năm 2000 tại Toà án nhân dân huyện Mang Thít được Toà án thụ lý vụ án "ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản" theo thông báo thụ lý số: 338/2023/TLST-HNGĐ, ngày 28/11/2023 và đã giải quyết xong bằng quyết định số: 16/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 08/3/2024 của Toà án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Trong vụ án ly hôn giữa anh T và chị N có tranh chấp tài sản là thửa đất số 373, tờ bản đồ số 47, diện tích 373,5m^2, hiện toạ lạc tại khóm C, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, chị Trần Thị Trúc N3 (không rõ năm sinh, địa chỉ cụ thể) quen

biết với bà Võ Thanh T mẹ anh T, thông qua chị N giới thiệu anh N đứng ra giúp tìm người đại diện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T chia thửa đất 373 trong vụ án ly hôn nêu trên, hứa hoàn thành công việc trả thù lao (thưởng) 200.000.000 đồng nhưng không có đưa tiền mặt mà ký hợp đồng vay ngày 18/7/2023 tại Văn phòng C để anh T nhận nợ anh N 200.000.000 đồng làm tin.

Toà án nhân dân huyện Mang Thít đã giải quyết xong vụ án bằng Quyết định thuận tình ly hôn và hoà giải thành nhưng ông Lê Kha N không tham vụ án và thửa đất 373 để tự thoả thuận không giải quyết trong vụ án.

Do đây là hợp đồng hứa thưởng khi hoàn thành xong nhiệm vụ nhưng ông N không làm theo thỏa thuận nên anh Thái Minh T yêu cầu chấm dứt hợp đồng hứa thưởng thỏa thuận bằng miệng và yêu cầu vô hiệu hợp đồng vay được chứng thực ngày 18/7/2023 việc ông Thái Minh T vay nợ ông Lê Kha N 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/ DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Kha N yêu cầu Toà án giải quyết:

Buộc anh Thái Minh T trả anh Lê Kha N nợ gốc 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) theo hợp đồng vay được chứng thực ngày 18/7/2023 bởi Văn phòng C; anh Thái Minh T trả anh Lê Kha N lãi suất từ ngày 17/7/2023 đến ngày 20/3/2024 làm tròn 08 tháng số tiền 26.560.000đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi chậm trả từ ngày 21/3/2024 đến khi trả xong nợ gốc với mức lãi suất 20%/ năm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện (phản tố) của anh Thái Minh T yêu cầu Toà án giải quyết: Vô hiệu hợp đồng vay tài sản giữa anh Lê Kha N và anh Thái Minh T được chứng thực ngày 18/7/2023 tại văn phòng C việc anh Thái Minh T vay anh Lê Kha N 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16 tháng 4 năm 2025 nguyên đơn Lê Kha N kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc anh T trả số tiền gốc 200.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất chậm thanh toán theo quy định của pháp luật là 20% (tương đương 1,66%/tháng) tính từ ngày 17/7/2003.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có kháng cáo trình bày: vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo buộc bị đơn phải trả tiền vay vốn và lãi theo hợp đồng đã ký kết.

Bị đơn không có kháng cáo trình bày: không đồng ý kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong phần tranh tụng, các đương sự do người đại diện hợp pháp trình bày: Vi bằng ngày 30/3/3025 thể hiện nội dung trao đổi giữa anh Lê Khoa N và bà Võ Thanh T là mẹ của anh Thái Minh T có liên quan việc nhờ luật sư nhận ủy quyền trong vụ án ly hôn của anh T, chi phí do anh N1 tạm ứng và anh T có nghĩa vụ hoàn trả nhưng không được Tòa án chấp nhận việc ủy quyền.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Lê Khoa N1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Các nội dung khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu quan điểm về án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh T là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm

Đương sự vắng mặt đã uỷ quyền tham gia tố tụng nên Tòa án xét xử theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tiền vay gốc và lãi. Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo nội dung vi bằng do bị đơn cung cấp, phía nguyên đơn không phản đối thể hiện nội dung anh Lê Khoa N thừa nhận nội dung đã liên hệ để nhận ủy quyền cho anh T trong vụ án ly hôn. Chi phí do anh N bỏ ra, thắng kiện mới lấy tiền, nhưng việc thực hiện thủ tục ủy quyền không được Tòa án chấp nhận và người đại diện do anh N liên hệ không thực hiện công việc theo thỏa thuận (BL 33, 39, 44, 46). Số tiền theo thỏa thuận ủy quyền và thời gian xác lập văn bản ủy quyền của anh T và người do anh Nam giới T (BL 39) là phù hợp với số tiền và thời gian theo hợp đồng vay tiền giữa anh N và anh T (BL 13) nên có cơ sở xác định hợp đồng vay tiền nhằm hợp thức hóa và che giấu hợp đồng dịch vụ pháp lý, hứa thưởng và việc trả tiền chỉ thực hiện khi thỏa điều kiện thực hiện công việc dịch vụ pháp lý và hứa thưởng đã cam kết. Tuy nhiên, công việc hứa thưởng, thực hiện dịch vụ pháp lý đã không được thực hiện, nghĩa vụ trả tiền

chưa phát sinh nên hợp đồng vay tiền là vô hiệu và việc giải quyết hậu quả pháp lý như Tòa án cấp sơ thẩm xác định là có căn cứ. Do vậy, kháng cáo của nguyên đơn là không có sơ sở như nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Quan điểm của kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Lê Kha N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 15/2025/DS -ST ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 463, 465, 468, 469 và Điều 124 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 148, 227, 228, 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Kha N về việc yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh Thái Minh T trả anh Lê Kha N nợ gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi 26.560.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi chậm trả từ ngày 21/3/2024 đến khi trả xong nợ gốc với mức lãi suất 20%/ năm.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Thái Minh T. Vô hiệu hợp đồng vay tài sản giữa anh Lê Kha N và anh Thái Minh T được chứng thực ngày 18/7/2023 tại văn phòng C việc anh Thái Minh T vay anh Lê Kha N 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Lê Kha N phải chịu 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001028 ngày 24/4/2025 của Chi cục thi hành án huyện Mang Thít, anh N đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

4. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 1 – Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 1 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Triệu Hữu